

PHU LỤC 01
TỔNG DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KỲ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT CỦA
HUYỆN ĐỒNG GIANG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1197/QĐ-UBND NGÀY 12/06/2023 CỦA TỈNH QUẢNG NAM

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
1	Tổng diện tích dự án công trình huyện	2 623,78					
I	Đất nông nghiệp	1 769,99					
*	Đất trồng lúa	51,50					
1	Mở rộng đất trồng lúa tại khe Ghing và Ka Xil, tổ 1, thôn Bhothông	1,50	Sông Kôn	X			
2	Mở rộng đất trồng lúa nước tại khe Polong, tổ Butnhót, thôn Pho	1,50	Sông Kôn	X			
3	Chuyển đổi đất trồng lúa 1 vụ sang 2 vụ tại khu vực đảm bảo nguồn nước	48,50	Prao + Tư + Sông Kôn + Mả Cooih + Cà Dăng	X			
*	Đất trồng cây hàng năm khác	153,44					
4	Chuyển đổi đất cao su sang đất cây hàng năm khác	100,00	Xã Ba	X			
5	Quy hoạch trồng cây ngắn ngày trên địa bàn các xã	22,94	Tư + J ơ Ngây + A Rooih + Mả Cooih + Cà Dăng	X			
6	QH đất trồng cây hàng năm trên địa bàn các xã	30,50	Prao + Ating + Sông Kôn + Tà Lu	X			
*	Đất trồng cây lâu năm	112,44					
7	Trồng cây Quế kết hợp cây dược liệu, vườn ươm và cây ngắn ngày (Ốt, Gừng, Nghệ...)	106,35	Xã Tư	X			
8	Quy hoạch vùng trồng cây ăn quả tại BútNga, khe Ố thôn Pho	6,09	Sông Kôn	X			
*	Đất rừng phòng hộ	451,15					
9	Quy hach 3 loại rừng theo số liệu lâm nghiệp Quốc gia, chuyển từ rừng SX sang rừng PH	290,65	Sông Kôn	X			
10	Quy hach 3 loại rừng theo số liệu lâm nghiệp Quốc gia, chuyển từ rừng SX sang rừng PH	160,50	Tà Lu	X			
*	Đất rừng đặc dụng	451,15					
11	Quy hach 3 loại rừng theo số liệu lâm nghiệp Quốc gia, chuyển từ rừng PH sang rừng đặc dụng	451,15	Tà Lu	X			
*	Đất rừng sản xuất	344,37					
12	Khoanh nuôi, tái sinh bảo vệ phục hồi rừng tự nhiên tại xã Ba	145,05	Ba	X			
13	Khoanh nuôi, tái sinh bảo vệ phục hồi rừng tự nhiên tại xã A Ting	89,11	A Ting	X			
14	Khoanh nuôi, tái sinh bảo vệ phục hồi rừng tự nhiên tại xã Sông Kôn	110,21	Sông Kôn	X			
*	Đất nuôi trồng thủy sản	4,46					
15	Quy hoạch khu nuôi trồng thủy sản trên các lòng sông, lòng hồ	4,46	Trên địa bàn huyện	X			
*	Đất nông nghiệp khác	201,48					
16	Dự án nông nghiệp chất lượng cao, hữu cơ	199,30	Xã Ba	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
17	Cơ sở chăn nuôi tập trung (Công ty TNHH XD DV vận tải và thương mại Chiến Khánh)	2,18	Xã Ba	X			Đổi tên theo 2624/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của tỉnh Quảng Nam: Cơ sở chăn nuôi heo gia công tập trung (Công ty TNHH XD DV vận tải và thương mại Chiến Khánh)
II	Đất phi nông nghiệp	853,79					
	Đất quốc phòng	25,67					
18	Đài quan sát phòng không Đ75-4	2,30	TT Praq	X			Đăng ký bổ sung diện tích thành 2,35 ha theo Kế hoạch SDĐ năm 2025
19	QH thao trường bắn tổng hợp xã Ba	2,60	Xã Ba	X			
20	Bộ Tư lệnh Đặc Công (Kho HC-KT)	14,09	Sông Kôn	X			
21	QH thao trường bắn tổng hợp xã Sông Kôn	1,54	Sông Kôn	X			
22	Xây dựng trường bắn tại xã Tà Lu	5,14	Tà Lu	X			
*	Đất an ninh	6,63					
23	Trụ sở Công an huyện Đông Giang	2,50	TT Praq		X		Hủy bỏ, dừng thực hiện
24	Đất an ninh dự phòng thị trấn Praq	1,50	TT Praq	X			Đổi tên: Quỹ đất dự phòng an ninh cho 11 xã/thị trấn
25	Trụ sở công an 11 xã/thị trấn	2,63	Toàn huyện	X			Chuyển tiếp để tiếp tục để lập thủ tục thu hồi đất và giao đất cho các trụ sở
	Đất cụm công nghiệp	55,00					
26	CCN thôn Bón	40,00	Xã Ba	X			Bổ sung thêm diện tích thành 45,00 ha theo QH tỉnh tại QĐ số 72/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ
27	CCN A Sờ	15,00	Mà Cooih	X			
	Đất thương mại, dịch vụ	116,22					
28	Du lịch sinh thái và Văn hóa Hồ Ban Mai	10,00	Xã Ba	X			
29	Khu du lịch sinh thái suối khoáng nóng A Păng	43,68	Sông Kôn		X		Hủy bỏ, không huy động được nguồn vốn thực hiện
30	Khu du lịch sinh thái Trường Sơn - Sông Bung	20,54	Mà Cooih		X		Hủy bỏ, chủ đầu tư hồ thủy điện không đồng ý cho khai thác diện tích mặt nước
31	Khu du lịch sinh thái Cổng trời Đông Giang	42,00	Mà Cooih				Đã thực hiện xong diện tích 13,51 ha trong giai đoạn này, diện tích còn lại không có nhu cầu sử dụng nên hủy bỏ phần diện tích còn lại
	Đất cơ sở sản xuất PNN	43,48					
32	Đất sản xuất kinh doanh PNN	1,00	Xã Ba	X			
33	Đất tiểu thủ công nghiệp trong khu đô thị Sông Vàng	4,80	Xã Ba	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
34	Khu sản xuất kinh doanh tập trung tại thôn Ban Mai	4,36	Xã Ba	X			
35	Khu sản xuất kinh doanh tập trung tại thôn Tổng Cỏi	3,00	Xã Ba	X			
36	QH điểm giết mổ tập trung xã Tư	0,30	Xã Tư		X		Hủy bỏ
37	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh, công nghiệp tại xã Jơ Ngây	9,96	Jơ Ngây		X		Chuyển đổi khu vực này thành cụm công nghiệp theo Quy hoạch tỉnh tại QĐ số 72/QĐ- UBND ngày 17/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ
38	Nhà máy sơ chế, chế biến từ cây dược liệu tại vùng sinh thái	0,02	Sông Kôn	X			
39	Nhà máy nước sạch tại thôn Ka Đắp	0,12	A Rooi	X			
40	Dự phòng đất cơ cở sản xuất phi nông nghiệp	19,92	Trên địa bàn huyện	X			
	Đất SX VLXD, làm đồ gốm	14,29					
41	Khai thác cát xây dựng tại thôn A Dinh (ĐG-BS04)	0,70	TT Prao	X			Đổi tên: DG-BS06
42	Sét gạch ngói tại Thôn Dốc Kiền (ĐG30)	4,10	Xã Ba	X			
43	Cát xây dựng thôn Sông Voi (ĐG2)	2,10	Jơ Ngây	X			
44	Khai thác đá xây dựng tại Thôn Ra Nuối (ĐG-BS01)	3,20	Jơ Ngây	X			Đổi tên: DG-BS09
45	Khai thác cát xây dựng tại thôn Ra Lang (ĐG-BS02, ĐG-BS03)	4,19	Jơ Ngây	X			Đổi tên: DG-BS02, DG- BS04, tăng diện tích lên 5,29
	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện	410,95					
	Đất giao thông	203,20					
46	Các tuyến đường nội thị thị trấn TT TT Prao	3,20	TT Prao	X			
47	Cải tạo, sửa chữa tuyến trung tâm đô thị thị trấn Prao: hạng mục Tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai	0,10	TT Prao				Đã thực hiện xong
48	Cải tạo, sửa chữa tuyến trung tâm đô thị thị trấn Prao: hạng mục tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	0,02	TT Prao				Đã thực hiện xong
49	Cải tạo, sửa chữa tuyến trung tâm đô thị thị trấn Prao: hạng mục Tuyến đường Âu Cơ	0,08	TT Prao				Đã thực hiện xong
50	Tuyến đường giao thông phía tây thị trấn Prao (tuyến số 7, số 9)	1,20	TT Prao	X			
51	San nền,mương thoát nước xung quanh nhà đa năng khu liên hợp thể thao huyện	0,12	TT Prao				Đã thực hiện xong
52	Đường nội thị phía đông và hạ cốt nền tránh nguy cơ sạt lở đồi kiền lâm vào khu dân cư thị trấn TT TT Prao	21,40	TT Prao	X			Đã thực hiện xong 12,91 ha, diện tích còn lại và bổ sung thêm 2,50 ha chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030
53	Đường từ phía Tây cầu A Vương đến khu liên hợp thể thao huyện (giai đoạn 2)	1,23	TT Prao				Đã thực hiện xong
54	Đường từ ĐH 15.ĐG đến đường vào vùng sản xuất thôn A Dinh	7,50	TT Prao	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
55	Đường GTNT trục xã và khu giãn dân thôn Axanh Gổ, (Đoạn từ đường HCM nhà ông Alăng Hùng đến đường Thị trấn TT TT Prao - Ta Lu - Xã Za Hung)	0,56	TT Prao	X			
56	Nâng cấp, mở rộng tuyến QL14G trên địa bàn thị trấn	1,01	TT Prao	X			
57	Đường vào khu sản xuất thôn A Dinh	1,50	TT Prao				Đã thực hiện xong
58	Đường nội thị phía Tây thị trấn Prao (từ Prao - thôn A Dung, xã A Rooi)	10,50	TT Prao	X			Đã thực hiện xong, diện tích còn lại chưa THĐ đăng ký tiếp tục thực hiện là 5,0 ha tại Prao và A Rooih
59	Đường giao thông từ Cầu AVương 3 đến đường Hồ Chí Minh	1,20	TT Prao				Đã thực hiện xong
60	Đường dân sinh cụm dân cư Ka nom (đoạn từ đường QL 14G vào khu sản xuất) giai đoạn 1, giai đoạn 2	0,91	TT Prao	X			
61	Bến xe Trung tâm huyện	0,50	TT Prao	X			
62	Nâng cấp mở rộng đường khu dân cư Adinh (cụm Adinh 2); đoạn từ đường HCM giáp đường lên khu sản xuất	1,52	TT Prao		X		Hủy bỏ, không THĐ, thực hiện công trình trên nền hiện trạng giao thông có sẵn
63	Đường GTNT thôn Quyết Thắng	1,07	Xã Ba	X			
64	Đường vành đai thôn Ban Mai(từ nhà ông Phúc đến nhà ông Tú ra QL 14G)	1,51	Xã Ba	X			
65	Đường giao thông từ xã Ba, huyện Đông Giang đi xã Hòa Bắc, TP Đà Nẵng (từ Quốc lộ 14G - xã Tư - cao tốc La Sơn - Túy Loan tại xã Hòa Bắc TP Đà Nẵng)	6,20	Xã Ba	X			
66	Cầu Nà Hoa trên tuyến ĐH1.ĐG (ngâm tràn Nà Hoa cũ)	0,26	Xã Tư	X			
67	Tuyến đường ĐH2.ĐG thôn Tu Bấu	2,50	Xã Tư	X			
68	Đường giao thông thôn Vầu - Lầy (GD1)	1,56	Xã Tư		X		Hủy bỏ, (trúng rừng đặc dụng) không khả thi
69	Đường GTNT thôn Gadoonng xã Tư đến trạm của rừng Cà Nhong TP Đà Nẵng	1,30	Xã Tư	X			
70	Đường sản xuất vào cánh đồng Pan Nam - thôn Gadoong	1,40	Xã Tư				Đã thực hiện xong
71	Đường vào khu sản xuất thôn Lầy- xã Tư (thôn Gadoong mới)	1,50	Xã Tư	X			
72	Cầu làng lầy trên tuyến ĐH1.ĐG	0,20	Xã Tư	X			
73	Kiên cố hoá tuyến đường ĐH2.ĐG năm 2022; Lý trình Km4+00 - Km5+8,54	1,19	Xã Tư		X		Hủy bỏ, trùng với danh mục số 67
74	Đường GTNT từ A Liêng xã ATing đi Phú Mưa xã Jơ Ngây	1,50	A Ting	X			
75	Xây dựng đường vào vùng sản xuất 4 thôn	1,90	A Ting	X			
76	Đường GTNT thôn Đào (thôn Pho mới), xã Sông Kôn đến thôn A Răm (thôn Ra Nuối mới) xã Jơ Ngây	3,60	Jơ Ngây	X			
77	Tuyến Tổ đoàn kết Phú Mưa thuộc thôn Ra Lang từ nhà ông ALăng Bi đếnthôn Sông Voi, xã A Ting	1,50	Jơ Ngây	X			
78	Đường giao thông từ thôn Ra Nuối đến thôn Ra Đung (từ ĐH12 đến đường vào thủy điện Sông Kôn)	3,50	Jơ Ngây	X			Bổ sung thêm diện tích thành 6,0 ha

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
79	Đường vào khu sản xuất thôn ARăm 2 (thôn Ra Nuôi mới)	0,60	Jơ Ngây	X			
80	Đường vào khu sản xuất thôn Ra Đưng (thôn Kềng cũ)	0,40	Jơ Ngây	X			
81	Kè chống sạt lở taluy dương trường tiểu học Jơ Ngây	0,60	Jơ Ngây				Đã thực hiện xong
82	Cầu bản thôn Bút Nga xã Sông Kôn	0,90	Sông Kôn	X			
83	Đường giao thông từ tổ dân cư Bút Tura đến thôn tổ dân cư Bút Nhót	15,00	Sông Kôn	X			
84	Đường GTNT thôn Bơ Hoồng (từ cầu treo KDC Bơ Hoồng 2 đến khu sản xuất Ra Niêng)	0,75	Sông Kôn	X			
85	Đường trung tâm xã từ thôn A Réh (thôn Aréh Đhrông mới) đến thôn Pà Nai	1,50	Tà Lu	X			
86	Đường vào khu sản xuất thôn Aréh ĐhRông	2,80	Tà Lu	X			
87	Đường GTNT thôn Axanh Gổ (Đoạn từ đường HCM nhà Bà Alăng Thị Tìng đến đường ĐH12 (Za Hung - Jơ Ngây). Lý trình Km0+0.0 - km0+473.	0,20	Za Hung				Đã thực hiện xong
88	Mở mới tuyến đường GTNT thôn Xà Nghir. (Đoạn từ đường ĐH12 Za Hung - Jơ Ngây đến tu suối Ka Nung).	0,90	Za Hung	X			
89	Đường GTNT thôn Ka Dấu (đoạn từ đường HCM đến khu TĐC A Xanh 1,2)	1,50	Za Hung				Đã thực hiện xong
90	Đường từ cầu Cháo (Khu TĐC Xà Nghìn 2) đến cánh đồng Chờ Đu (giai đoạn II)	0,42	Za Hung	X			
91	Đường vào khu sản xuất thôn Xà Nghìn 2 (thôn Xà Nghir mới)	1,00	Za Hung	X			
92	Khắc phục công trình giao thông bị hư hỏng do bão, lũ năm 2021: Hạng mục: Tường chắn nền mặt đường tại Km8+200 đường ĐH12	1,00	Za Hung				Đã thực hiện xong
93	Mở mới đoạn đường bị sạt lở taluy âm tuyến ĐH15.ĐG	1,88	A Rooi				Đã thực hiện xong
94	Đường trung tâm xã. (từ Km00+700m đến Km1+500m trường mẫu giáo Za Hung – ARooi thôn Tu Ngung-A Bung)	1,00	A Rooi	X			
95	QH tuyến từ nhà ông Hòih Ap Luy thôn Tu Ngung A Bung đến nhà ông Hòih Cóoc thôn A Điều	0,75	A Rooi	X			
96	Đường trung tâm xã (điểm đầu từ hộ nhà ông A Lăng Hum thôn A Dung đến Km00+700	0,85	A Rooi				Đã thực hiện xong
97	Đường dân sinh từ trường mẫu giáo Arooi - Za Hung đến nhà ông Bling Lèo	0,60	A Rooi	X			
98	Đường Tu Ngung (điểm đầu từ ĐH5 - Km00+ 800m)	1,50	A Rooi	X			
99	Đường giao thông liên huyện từ xã ARooi, huyện Đông Giang đi xã Dang, huyện Tây Giang	1,00	A Rooi	X			Đề xuất bổ sung diện tích lên 10,5 ha
100	Đường vào khu sản xuất A Điều	2,10	A Rooi	X			
101	Kè chống sạt lở trường mẫu giáo A Rooi - Za Hung	0,11	A Rooi				Đã thực hiện xong
102	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.609 (Km68+508 - Km74+578)	2,30	Mà Cooih	X			
103	Đường vào khu sản xuất 3 thôn A Sờ, thôn CutChrun, thôn Aroong	6,10	Mà Cooih	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
104	Đường giao thông đến trung tâm xã Cà Đăng	2,00	Cà Đăng	X			Điều chỉnh diện tích theo KH2025 xuống 1,00 ha
105	Đường giao thông liên xã từ xã Jơ Ngây - xã Cà Đăng	4,55	Cà Đăng		X		Hủy bỏ, không khả thi thực hiện
106	Đường vào khu sản xuất KDL Hang Gộp	1,20	Cà Đăng		X		Hủy bỏ, không khả thi thực hiện
107	Đường vào khu sản xuất liên thôn Khe Lụi	1,00	Cà Đăng	X			
108	Đường GTNT thôn Bến Hiên từ ĐT609-Khe ngựa giai đoạn 1	0,10	Cà Đăng	X			
109	Đường An Điem - Cà Đăng - AXờ (ĐT609)	16,64	Mà Cooih + Cà Đăng	X			Đã thực hiện xong 6,74 ha, còn lại 9,90 ha chuyển tiếp
110	Đường nội thị phía Tây thị trấn TT TT Prao (từ TT TT Prao - thôn A Dung, xã A Rooi	14,89	Prao + Za Hung + Arooih				Đã thực hiện xong
111	Đường giao thông liên kết phát triển vùng Đông huyện Đông Giang (từ xã A Ting đến xã Ba)	2,42	Ba + A Ting	X			
112	Đường từ xã Tà Lu-TT Prao-xã Zà Hung (từ trung tâm huyện Đông Giang đi Đại Lộc)	3,61	Prao + Tà Lu + Za Hung				Đã thực hiện xong
113	Đường giao thông liên xã Ating - Jơ Ngây - Sông Kôn	5,56	A Ting + Jo Ngây + Sông Kôn	X			Đề xuất bổ sung diện tích lên 10,5 ha
114	Đường giao thông từ thôn Tà Vạc thị trấn Prao đi thôn ARéh Đhor Rôông xã Tà Lu; Hạng mục: nền đường và hệ thống thoát nước	5,06	Prao + Tà Lu	X			Đã thực hiện xong 1,95, còn lại 3,11 ha chuyển tiếp
115	Nâng cấp , mở rộng các tuyến đường GTNT trên địa bàn các xã	4,15	Toàn huyện	X			
116	Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn các xã/thị trấn	1,66	Toàn huyện	X			
117	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH trên địa bàn các xã	7,95	Toàn huyện	X			
118	Xây dựng các tuyến kè khu vực có nguy cơ sạt lở	1,40	Toàn huyện	X			
119	Đường ô tô lâm nghiệp Mà Cooih	2,01	Toàn huyện	X			
	Đất thủy lợi	5,95					
120	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt liên thôn xã Tư	0,67	Xã Tư	X			
121	Thủy lợi thôn A Róch , Chi Nết, Aliêng Ravăh, xã A Ting	0,50	A Ting	X			
122	Thủy lợi thôn Phú Mưa (Nay là thôn Ra Lang), Za Há (Nay là thôn Ra Nuối), xã Jơ Ngây	0,50	Jơ Ngây	X			
123	Đập thủy lợi thôn Ared Đroong	0,05	Tà Lu	X			
124	Thủy lợi thôn Xà Nghìn 2 (Nay là thôn Xà Nghìr), Cà Dâu, xã Za Hung	0,50	Za Hung	X			
125	Thủy lợi thôn A Xanh - Gố	0,05	Za Hung	X			
126	Xây dựng nước sinh hoạt khu TĐC mở rộng Pachepalanh và Cutchrun	0,20	Mà Cooih	X			
127	Xây dựng mương thoát nước dọc các tuyến đường ĐH trên địa bàn các xã/thị trấn	2,61	Toàn huyện	X			
128	Hệ thống nước sinh hoạt trên địa bàn các xã/thị trấn	0,87	Toàn huyện	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	6,63					
129	Hội trường UBND TT Prao	0,15	TT Prao				Đã thực hiện xong
130	Nhà văn hoá xã	0,25	Xã Ba	X			
131	NVH 3 thôn	0,20	Xã Tư	X			Bổ sung diện tích lên 0,3 ha
132	Xây dựng NVH xã A Ting	0,50	A Ting	X			
133	Xây dựng NVH 4 thôn	1,20	A Ting	X			
134	Nhà văn hoá xã	0,10	Jơ Ngây	X			
135	Quy hoạch nhà văn hóa xã Sông Kôn	0,30	Sông Kôn	X			
136	Xây dựng TTVH xã Tà Lu	0,05	Tà Lu	X			
137	Quy hoạch nhà văn hóa xã Mả Cooih	0,20	Mả Cooih				Đã thực hiện xong
138	Xây dựng NVH 3 thôn	0,42	Kà Dăng	X			
139	Xây dựng NVH xã Cà Dăng	0,50	Kà Dăng	X			
140	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Prao, A Duông, Tà Vạc, Gùng, Ngã Ba, A Dính	0,50	Prao	X			
141	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Ban Mai, Quyết Thắng, Tống Cỏi, Đhà Mì, Đông Sơn	1,00	Ba	X			
142	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Ra Đung, Ra Nuôi, Ra Lang	0,12	Jơ Ngây	X			Bổ sung thêm diện tích thành 0,5 ha
143	Xây dựng nhà văn hóa thôn: K8, Bło Bền, Bho Hồng, Pho	0,18	Sông Kôn	X			
144	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Pà Nai, Areh Drhong	0,29	Tà Lu	X			
145	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Axanh Gổ, Cà Dâu, Xa Nghir	0,09	Za Hung	X			Bổ sung thêm diện tích thành 0,5 ha
146	Xây dựng nhà văn hóa thôn: Tu Ngung, A Dung, Ka Đăp, A Điều	0,36	A Rooih	X			Bổ sung thêm diện tích thành 0,5 ha
147	Xây dựng nhà văn hóa thôn: A Sờ, A Roong, Cut Chrun	0,22	Mả Cooih	X			Bổ sung thêm diện tích thành 0,5 ha
	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,91					
148	Trạm y tế TT Prao	0,15	TT Prao	X			
149	Mở rộng Trạm y tế xã Ba	0,10	Xã Ba	X			
150	Mở rộng trạm y tế xã A Ting	0,12	A Ting	X			
151	Trạm y tế xã Jơ Ngây	0,10	Jơ Ngây	X			
152	Trạm y tế xã Sông Kôn	0,12	Sông Kôn	X			
153	Trạm y tế xã Tà Lu	0,12	Tà Lu	X			
154	Trạm y tế xã Za Hung	0,10	Za Hung	X			
155	Mở rộng trạm y tế xã Mả Cooih	0,10	Mả Cooih	X			
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	27,72					
156	Mở rộng Trường Mầm Non TT TT Prao- Tà Lu (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Adinh, Điểm trường thôn Tà Vạc, Điểm trường thôn Aduông, Điểm trường thôn Aréh Đhrong)	1,30	TT Prao	X			
157	Mở rộng Trường Tiểu học TT TT Prao (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Adinh (điểm mới), Điểm trường thôn Aduông	1,23	TT Prao	X			
158	Mở rộng Trường THCS Mẹ Thứ (Điểm trường chính)	0,43	TT Prao	X			
159	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTNT THCS Đông Giang	0,20	TT Prao	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
160	Giao đất xây dựng sân vận động thể dục thể thao trường THCS Kim Đồng	0,21	Xã Ba	X			
161	Trường Mẫu giáo Sơn Ca (điểm trường chính)	1,00	Xã Ba	X			
162	Mở rộng Trường Mẫu giáo Sơn Ca (điểm trường thôn Đha Mi, điểm trường thôn Đông Sơn)	0,35	Xã Ba	X			
163	Mở rộng Trường Tiểu học Xã Ba (điểm trường chính)	0,51	Xã Ba	X			
164	Mở rộng Trường TH Sông Vàng (điểm trường thôn Đông Sơn)	0,16	Xã Ba	X			
165	Mở rộng Trường THCS Kim Đồng	0,69	Xã Ba	X			
166	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hoa Mai (điểm trường chính)	0,27	Xã Tư	X			
167	Mở rộng Trường TH&THCS Xã Tư (điểm trường chính)	0,87	Xã Tư	X			
168	Mở rộng Trường TH&THCS Xã Tư (điểm trường thôn Tu Bấu)	0,15	Xã Tư	X			
169	Mở rộng Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ (Điểm trường chính, điểm trường thôn Aliêng Ravăh, điểm trường thôn Aróch)	0,57	A Tìng	X			
170	Trường Tiểu học ATìng	0,90	A Tìng	X			
171	Mở rộng trường Tiểu học A Tìng (điểm trường thôn Aliêng Ravăh, điểm trường thôn Aróch)	0,36	A Tìng	X			
172	Xây dựng trường THCS xã A Tìng	0,80	A Tìng	X			
173	Mở rộng Trường Mẫu giáo Măng Non (điểm trường chính, điểm trường thôn Ra Đung (Kèng), Điểm trường thôn Ra Lang (Brùa), Điểm trường thôn Ra Nuối (Arăm), Điểm trường thôn Ra Nuối)	1,45	Jơ Ngây	X			
174	Trường Tiểu học Jơ Ngây (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Ra Đung, Điểm trường ,thôn Ra Lang Điểm trường thôn Ra Nuối)	1,49	Jơ Ngây	X			
175	Mở rộng Trường THCS Lê Văn Tám	0,54	Jơ Ngây	X			
176	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hòa Mi (điểm trường chính, Điểm trường thôn Pho (Bút Nga), Điểm trường thôn K8, Điểm trường thôn K8 (K9))	1,44	Sông Kôn	X			
177	Mở rộng Trường Tiểu học Sông Kôn (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Bhoahông, Điểm trường thôn K8, Điểm trường thôn K8 (K9))	1,29	Sông Kôn	X			
178	Mở rộng Trường THCS Phan Châu Trinh (điểm trường chính)	0,55	Sông Kôn	X			
179	Quy hoạch mới trường MG Hòa My (tại thôn Pho)	1,00	Sông Kôn	X			
180	Mở rộng Trường Tiểu học Tà Lu (Điểm trường chính)	0,15	Tà Lu	X			
181	Mở rộng Trường TH&THCS Za Hung (Điểm trường chính (THCS), Điểm trường thôn Axanh Gó (Tiểu học), Điểm trường thôn Kà Dâu (Tiểu học), Điểm trường thôn Xà nghir (Tiểu học))	1,18	Za Hung	X			Bổ sung diện tích thành 1,50 ha
182	Quy hoạch trường tiểu học Za Hung	0,25	Za Hung	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
183	Mở rộng Trường Mẫu giáo A Rooi - Zà Hung (Điểm trường chính, Điểm trường thôn A Điều)	0,98	A Rooi	X			
184	Mở rộng Trường Tiểu học Arooi (Điểm trường chính, Điểm trường thôn A Điều, Điểm trường thôn Ka Đắp)	1,30	A Rooi	X			
185	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hướng Dương (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Aroong (Pachepalanh), Điểm trường thôn CutChrun)	1,18	Mà Cooih	X			
186	Trường tiểu học Mà Cooihh (Điểm trường chính, Điểm trường thôn A Xờ, Điểm trường thôn Cutchrun)	1,07	Mà Cooih	X			
187	Mở rộng Trường PTDT Bán trú THCS Trần Phú (Điểm trường chính)	0,65	Mà Cooih	X			
188	Quy hoạch đất giáo dục (gồm trường tiểu học, THCS)	0,70	Mà Cooih	X			
189	Trường Mầm non Hoa Sen (Điểm trường chính, Điểm trường thôn Dốc Gộp)	1,09	Kà Dăng	X			
190	Mở rộng Trường TH&THCS Phan Bội Châu (Điểm trường chính (THCS), Điểm trường thôn Bến Hiên (Tiểu học), Điểm trường thôn Dốc Gộp (Tiểu học))	1,21	Kà Dăng	X			
191	Xây dựng trường tiểu học thôn Dốc gộp	0,20	Kà Dăng	X			
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	14,45					
192	Khu thể thao liên hợp bao gồm: Sân vận động, nhà thi đấu đa năng	0,10	TT Prao	X			
193	Khu thể thao 5 thôn: thôn Ban Mai, thôn Quyết Thắng, thônTống Coói, thôn Đha Mi, thôn Đông Sơn	1,00	Xã Ba	X			
194	Khu thể thao xã	0,30	Xã Ba	X			
195	Xây dựng sân thể thao 3 thôn	1,50	Xã Tư	X			
196	Xây dựng STT xã A Ting	1,50	A Ting	X			Bổ sung thêm diện tích thành 1,90 ha
197	Xây dựng STT 3 thôn	2,00	A Ting	X			
198	Quy hoạch sân thể thao xã	0,20	Jơ Ngây	X			Bổ sung thêm diện tích thành 2,5 ha
199	Quy hoạch sân thể thao 3 thôn Ra Đung,thôn Ra Núi, thôn Ra Lang	0,30	Jơ Ngây	X			
200	Quy hoạch khu thể thao xã Sông Kôn	0,50	Sông Kôn	X			
201	Quy hoạch sân thể thao thôn K8, thôn Blô Bền	0,30	Sông Kôn	X			
202	Mở rộng sân thể thao thôn Bhoahông, thôn Pho	0,80	Sông Kôn	X			
203	QH sân thể thao xã Tà Lu	1,00	Tà Lu	X			
204	QH sân thể thao 2 thôn: thôn Aréh ĐhRông, thôn Pà Nai	0,40	Tà Lu	X			
205	Sân sân thể thao xã Za Hung	0,50	Za Hung	X			
206	Sân thể thao thôn A Xanh Gổ, thôn Ka Dâu	0,40	Za Hung	X			
207	QH sân thể thao thôn A Bung Tu Ngung, thôn A Điều	0,20	A Rooi	X			
208	Khu thể thao xã	0,20	A Rooi	X			
209	Quy hoạch sân thể thao xã Mà Cooih	0,70	Mà Cooih	X			
210	Quy hoạch sân thể thao 3 thôn A Sờ, thôn Aroong, cutchron	0,55	Mà Cooih	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
211	Xây dựng sân thể thao 3 thôn	1,50	Kà Dăng	X			
212	Xây dựng sân thể thao xã Cà Dăng	0,50	Kà Dăng	X			Bổ sung thêm diện tích thành 1,6 ha
	Đất công trình năng lượng	101,70					
213	Xây dựng nhà làm việc cho đội quản lý lưới điện Đông Giang	0,12	TT Prao	X			
214	Hệ thống điện khu liên hợp thể thao huyện Đông Giang	0,01	TT Prao	X			
215	Di dời các trụ điện nằm trong khu vực dự án Khai thác quỹ đất đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hoàng đến giáp trụ sở UBND xã Ba	0,01	Xã Ba	X			
216	Thủy điện An Điền 2	15,00	Xã Ba	X			
217	Mở rộng nhà điều hành thủy điện Sông Kôn 2	0,20	Jơ Ngây	X			
218	Xây dựng hệ thống điện toàn xã	0,05	Sông Kôn	X			
219	Di dời tuyến đường dây 35kV	0,02	Za Hung	X			
220	Trạm hạ thế 110Kv xã A Rooi	0,02	A Rooi	X			
221	Mở rộng Nhà máy, lòng hồ thủy điện A Vương	6,00	Mà Cooih	X			
222	Đường dây 110 kV đấu nối (Giai đoạn 2) - Dự án: Thủy điện Tr'hy (Hành lang tuyến)	4,80	Mà Cooih	X			Bổ sung diện tích lên 14,77 ha theo tờ trình số 70/TTr-FED-KH ngày 24/10/2024
223	Đường dây trung thế 22KV và các trạm biến áp (thuộc dự án Khu du lịch sinh thái Cổng Trời Đông Giang)	0,10	Mà Cooih	X			
224	Đường dây 110 kV đấu nối (Giai đoạn 2) - Dự án: Thủy điện Tr'hy (Móng trụ)	0,37	Mà Cooih	X			
225	Xây dựng 02 trạm Biến áp tại thôn A Roong, thôn Cút chrun	0,02	Mà Cooih	X			
226	Móng trụ đường dây 100kV đấu nối Nhà máy thủy điện A Vương 5 (24 móng)	0,12	Za Hung + Mà Cooih	X			
227	Thủy điện A Vương Thượng (thủy điện A Vương 5, hạng mục: Lòng hồ và tuyến đường dây 110Kv và đấu nối) thuộc địa bàn TT Prao, Za Hung, A Rooih	48,01	Prao + Za Hung + A Rooih	X			
228	Tuyến đường dây 110kV thủy điện A Vương 5 đầu nối thủy điện Za Hung	9,30	Mà Cooih + Za Hung	X			Điều chỉnh tên: Tuyến đường dây 110kV thủy điện A Vương 5 đầu nối thủy điện Za Hung (Tuyến đường dây 22kV đầu nối Nhà máy thủy điện A Vương 5 vào Trạm biến áp 110kV Đông Giang)
229	Trạm biến áp 110Kv Đông Giang và đấu nối	1,57	Prao + Za Hung + Mà Cooih	X			
230	Cấp điện tất cả các xã trên địa bàn huyện	0,20	Trên địa bàn huyện	X			
231	Đất dự phòng cho các tuyến đường dây điện	15,78	Trên địa bàn huyện	X			
*	Đất công trình bưu chính, viễn thông	3,20					
232	QH bưu điện xã A Ting	0,05	A Ting	X			
233	Quy hoạch bưu điện xã Jơ Ngây	0,05	Jơ Ngây	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
234	QH bưu điện xã A Rooi	0,10	A Rooi	X			
235	Xây dựng trạm Viễn thông	3,00	Prao + Ba + Jơ Ngây	X			
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	1,75					
236	Căn cứ Liên khu uỷ V và Nhà tưởng niệm Võ Chí Công	0,74	Xã Tư	X			Chưa làm (có đất rừng đặc dụng: 735m2)
237	Dựng bia di tích lịch sử Làng Đào	0,03	Sông Kôn	X			
238	Mở rộng khu di tích làng Đào	0,98	Sông Kôn	X			
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	3,03					
239	Bãi thải thị trấn TT Prao	0,52	TT Prao	X			Đổi tên: Bãi thải đổi Kiểm Lâm, tăng diện tích lên 1,5 ha
240	Quy hoạch khu xử lý rác thải tại xã Jơ Ngây	0,50	Jơ Ngây	X			Đổi tên: Khu xử lý chất thải rắn xã Jơ Ngây, bổ sung diện tích lên 1,00 ha
241	Thoát nước thải khu dân cư trực thôn Ra Lang, Ra Nuối	0,50	Jơ Ngây	X			
242	Bãi chôn lấp rác thải xã Mà Cooih	1,00	Mà Cooih	X			Đổi tên: Khu xử lý chất thải rắn xã Mà Cooih,
243	Điểm trung chuyển rác (nhà chứa rác) các thôn	0,51	Toàn huyện	X			
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	39,90					
244	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn TT TT Prao	1,88	TT Prao				Đã thực hiện xong
245	Nghĩa trang liệt sĩ huyện	1,20	TT Prao				Đã thực hiện xong
246	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Ba	6,00	Xã Ba	X			
247	Xây dựng nghĩa trang xã Tư	0,70	Xã Tư	X			Bổ sung diện tích lên 1,50 ha
248	Xây dựng nghĩa trang thôn Tu Bâu	0,35	Xã Tư	X			
249	QH khu nghĩa trang nhân dân xã A Tìng	3,00	A Tìng	X			
250	Quy hoạch khu nghĩa trang nhân dân xã Jơ Ngây	5,00	Jơ Ngây	X			
251	Quy hoạch khu nghĩa địa 4 thôn (thôn K8, thôn Bhoông, thôn Pho, thôn Blô Bền)	6,00	Sông Kôn	X			
252	QH nghĩa trang nhân dân xã	1,20	Sông Kôn	X			
253	QH nghĩa trang nhân dân xã Tà Lu	1,00	Tà Lu	X			
254	Nghĩa trang nhân dân 3 thôn: thôn Axanh Gô, thôn Ka Dâu, thôn Xà Nghir	3,00	Za Hung	X			
255	Nghĩa trang nhân dân xã	1,20	Za Hung	X			
256	XD nghĩa trang nhân dân thôn Tu Ngung - A Bung	1,00	A Rooi	X			Đề xuất tăng diện tích 4 thôn là 2,0 ha
257	QH Nghĩa trang nhân dân xã	1,20	A Rooi	X			Gộp chung với thôn Tu Ngung - A Bung
258	Xây dựng nghĩa trang nhân dân Mà Cooih	0,96	Mà Cooih		X		Hủy bỏ, trùng danh mục 259
259	Quy hoạch nghĩa địa xã tại thôn A Sờ	2,00	Mà Cooih	X			Đổi tên: Xây dựng nghĩa trang nhân dân Mà Cooih
260	Mở rộng nghĩa trang nhân dân 3 thôn xã Kà Dăng	3,01	Kà Dăng	X			
261	QH nghĩa trang nhân dân xã	1,20	Kà Dăng	X			
	Đất chợ	2,52					
262	Mở rộng Chợ thị trấn TT TT Prao	0,22	TT Prao	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
263	Mở rộng Chợ Sông Vàng	0,50	Xã Ba	X			
264	QH chợ xã Tư	0,20	Xã Tư		X		Hủy bỏ
265	QH chợ xã A Tìng	0,20	A Tìng	X			
266	QH chợ trung tâm xã Jơ Ngây	0,20	Jơ Ngây	X			
267	QH chợ A Rooi - Za Hung	0,20	Za Hung	X			
268	Mở rộng chợ A Sờ	0,30	Mà Cooih	X			
269	Chợ trung tâm xã Mà Cooih	0,50	Mà Cooih		X		Hủy bỏ
270	QH chợ trung tâm xã Kà Dăng	0,20	Kà Dăng	X			
	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,45					
271	Xây dựng nhà SH cộng đồng thôn Ga Doong	0,10	Xã Tư		X		Hủy bỏ, trùng với danh mục nhà văn hóa ở trên
272	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn: Tà Vạc, Gừng, Ngã Ba, A Dinh	0,35	Prao		X		Hủy bỏ, trùng với danh mục nhà văn hóa ở trên
	Đất khu vui chơi giải trí cộng đồng	24,82					
273	Công viên cây xanh trong khu đô thị TT TT Prao (từ khu CQCX01 - CQCX11)	14,00	TT Prao	X			
274	Công viên văn hóa Cơ Tu	2,90	TT Prao	X			
275	Công viên 2 bờ sông A Vương	1,00	TT Prao	X			
276	Khuôn viên cây xanh trong đô thị Sông Vàng	2,60	Xã Ba	X			
277	Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	4,32	Toàn huyện	X			
	Đất ở tại nông thôn	114,59					
278	Khu dân cư tại thôn Đông Sơn, xã Ba	0,38	Xã Ba		X		Hủy bỏ
279	KDC Đông Sơn (đường GTNT Dốc Kiền xã Ba)	4,12	Xã Ba		X		Hủy bỏ
280	KDC đôi chè thôn Ban Mai (sau UBND xã Ba)	1,50	Xã Ba		X		Hủy bỏ
281	KDC đôi chè xã Ba (KDC nông trường).	3,50	Xã Ba	X			
282	Khu dân cư hồ Ban Mai	2,50	Xã Ba		X		Hủy bỏ
283	Khu tái định cư thôn Đhami, xã Ba	1,00	Xã Ba	X			
284	Khu khai thác quỹ đất tại ban quản lý rừng phòng hộ Sông Kôn	0,38	Xã Ba	X			
285	Khu khai thác quỹ đất đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hoàng đến giáp UBND xã Ba	0,10	Xã Ba	X			
286	KDC sau trường mầm non Hoa Mai	1,50	Xã Tư	X			
287	KDC dân dân suối Tà Co	1,80	Xã Tư	X			
288	KDC thôn Tu Bâu	2,20	Xã Tư	X			
289	Khu tái định cư thôn Panan, xã Tư	1,32	Xã Tư		X		Hủy bỏ
290	KDC nông thôn A Liêng-A Rót (Đường A Liêng- A Rót, xã A Tìng)	2,50	A Tìng	X			
291	KDC thôn A Róch	2,50	A Tìng	X			
292	KDC thôn Chờ Nết	2,40	A Tìng	X			
293	Khu TĐC ĐCĐC thôn Bừa	2,40	Jơ Ngây	X			
294	Quy hoạch khu dân cư theo định hướng quy hoạch KTT xã	4,00	Jơ Ngây	X			
295	Điểm ĐCĐC thôn Ra Lang	3,40	Jơ Ngây	X			
296	QH đất ở dọc Quốc lộ 14G	3,83	Jơ Ngây	X			
297	Bố trí xen ghép dân cư	1,00	Sông Kôn	X			
298	Khu tái định cư thôn Bhoahông	3,00	Sông Kôn	X			

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026- 2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
299	Quy hoạch Khu dân cư Tuyến đường Đào - A Răm (thôn Pho)	2,00	Sông Kôn	X			
300	Khu TĐC Clung Haleem	3,00	Sông Kôn	X			
301	Khu TĐC Clung K'tang (Bh'ram)	1,50	Sông Kôn	X			
302	Khu TĐC thôn Bút Tura, Bút Nga	3,00	Sông Kôn	X			
303	KDC mới thôn Pà Nai	2,00	Tà Lu	X			
304	KDC mới thôn Aréh Đrhone	3,24	Tà Lu	X			
305	Quy hoạch đất ở mới tổ Gổ, thôn A Xanh Gổ	1,50	Za Hung	X			
306	Quy hoạch KDC dọc 2 bên đường Hồ Chí Minh trên địa bàn xã Za Hung	1,10	Za Hung	X			
307	Quy hoạch KDC dọc đường ĐH12 từ ngã ba đường A Lăng Thị Ting với đường Za Hung - Jơ Ngây đến nhà ông A Lăng Nôy	0,90	Za Hung	X			
308	QH KDC thôn A Điều	1,50	A Rooi	X			
309	KDC nông thôn A Dung-Ka Dấp (Đường phía Tây TT Prao)	2,00	A Rooi	X			
310	QH khu TĐC thôn Tu Ngung - A Bung	3,12	A Rooi	X			
311	QH KDC Clung Đông	1,50	A Rooi		X		Hủy bỏ
312	Mở rộng khu dân cư thôn Aroong	1,50	Mà Cooih	X			
313	Quy hoạch khu dân cư dọc đường ĐT609	2,50	Mà Cooih	X			
314	KDC nông thôn đường vào Cổng Trời, thôn A Xờ, xã Mà Cooih)	5,50	Mà Cooih	X			
315	Khu TĐC Cut Chrun	7,00	Mà Cooih	X			
316	Quy hoạch khu dân cư đường HCM (từ cây xăng về mỏ đá)	1,50	Mà Cooih	X			
317	KDC xã Mà Cooih (công ty Hoà Hưng)	0,20	Mà Cooih	X			
318	Xây dựng khu tái định cư tập trung Bến Hiên, xã Cà Dăng	2,90	Kà Dăng	X			Chuyển tiếp để giao đất
319	Khu tái định cư A Chôm 1	4,00	Kà Dăng		X		Hủy bỏ, trùng với KDC tập trung D8
320	KDC tập trung D8	2,50	Kà Dăng	X			
321	Khu tái định cư Bồn Gliêng	3,50	Kà Dăng		X		Hủy bỏ
322	Chuyển mục đích sang đất ở toàn xã	11,80	Toàn huyện	X			Giảm diện tích xuống còn 2,00 ha
	Đất ở tại đô thị	34,36					
323	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư toàn thị trấn	2,00	TT Prao	X			Giảm diện tích xuống còn 0,50 ha
324	Khu dân cư đường Hoàng Diệu (Khu dân cư số 1)	7,00	TT Prao	X			
325	Khu dân cư Đường nội thị TT Prao (khu dân cư số 5)	6,00	TT Prao	X			
326	Khu dân cư Đường nội thị TT Prao (Khu dân cư số 7)	4,02	TT Prao	X			
327	Khu dân cư đường Võ Chí Công (trước UBND TT TT Prao)	3,50	TT Prao	X			
328	Khu khai thác quỹ đất mặt bằng sân vận động huyện	0,20	TT Prao	X			
329	Khu TĐC thôn A Duông 2 (nay là thôn A Duông), thị trấn TT TT Prao	1,60	TT Prao	X			Đổi lại tên là A Duông 1
330	Khu dân cư đường vào trường Tiểu học TT TT Prao	0,80	TT Prao	X			Đổi tên: KTQĐ trước trường tiểu học Prao
331	Khu dân cư mở rộng chợ TT TT Prao	0,05	TT Prao	X			Đổi tên: Khu dân cư chợ bến xe

STT	Hạng mục	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)	Nội dung đánh giá			Ghi chú
				Chuyển tiếp giai đoạn 2026-2030	Hủy bỏ giai đoạn 2026-2030	Điều chỉnh (diện tích, tên công trình...)	
332	Khu dân cư nội thị 2 mở rộng (sau Viện Kiểm Soát)	0,29	TT Prao	X			
333	Khu dân cư nội thị 2	0,05	TT Prao	X			
334	Khu dân cư đường nội thị phía tây TT Prao (KDC ven sông A Vương)	3,50	TT Prao	X			
335	Chinh trang đất ở nội thị TT Prao (tập thể giáo dục cũ)	2,00	TT Prao	X			
336	Khu khai thác đất Ban định canh định cư và Trung tâm dân số KHHGD và BQLDA	0,08	TT Prao	X			
337	Khai thác quỹ đất khu nhà Tái chính cũ	0,09	TT Prao	X			
338	Khu dân cư mới dọc đường ĐH15	0,43	TT Prao	X			
339	KTQĐ Nhà sinh hoạt cộng đồng cụm A Xing (cũ), Cụm Nghe (cũ)	0,25	TT Prao	X			Chuyển tiếp xin giao đất
340	Tái định cư dời kiểm lâm - TT TT Prao	1,00	TT Prao	X			
341	Khu tái định cư thôn Gừng	1,50	TT Prao	X			
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,40					
342	Xây dựng Đảng ủy Mặt trận đoàn thể xã A Ting	0,30	A Ting		X		Sử dụng trên nền hiện trạng đất trụ sở UBND xã cũ
343	Trụ sở làm việc UBND xã Mả Cooihh	0,55	Mả Cooihh	X			Chuyển tiếp để xin giao đất
344	Xây dựng 11 Ban CHQS xã	0,55	Toàn huyện	X			Đổi tên: Mở rộng trụ sở UBND 11 xã/thị trấn
	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	5,93					
345	Trụ sở làm việc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đông Giang	0,32	TT Prao	X			
346	Viện kiểm soát nhân dân	0,47	TT Prao	X			
347	Đài truyền thanh - truyền hình huyện	0,18	TT Prao	X			
348	Nhà làm việc Hạt kiểm lâm huyện Đông Giang	0,20	TT Prao	X			
349	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Đông Giang	2,39	TT Prao	X			
350	Đất trụ sở sự nghiệp trong đô thị Sông Vàng	2,20	Xã Ba	X			
351	Quy hoạch nhà giới thiệu trưng bày sản phẩm dệt thổ cẩm thôn Aréh Đrông	0,10	Tà Lu	X			Đổi tên: Nhà đón tiếp, trưng bày và sản xuất dệt thổ cẩm (hạng mục: xây dựng, sửa chữa các hạng mục phục vụ điểm du lịch thôn Aréh Đrông) (thuộc đất VH)
352	Trạm QLBV rừng số 4 thôn Bồn Glieng	0,07	Kà Dăng	X			